

Số: 2421/QĐ-ĐHKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đề cương học phần
Quản lý nợ nước ngoài (điều chỉnh lần 1)
Mã số INE3025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 06/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-ĐHKT, ngày 15/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-ĐHKT ngày 30/08/2013 của Trường Đại học Kinh tế về việc Ban hành đề cương học phần Quản lý nợ nước ngoài Mã số INE3025;

Căn cứ vào Chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

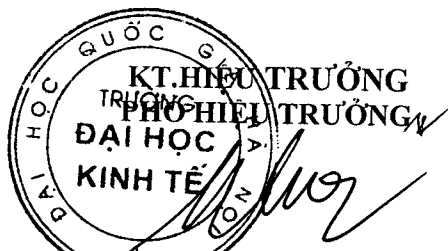
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đề cương học phần **Quản lý nợ nước ngoài (điều chỉnh lần 1), 03 tín chỉ, mã số INE3025**, bậc đào tạo đại học, do PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi biên soạn (đề cương kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo, Trường các phòng chức năng có liên quan, Chủ nhiệm Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Lãnh đạo các Khoa/Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, N2.


PGS.TS. Nguyễn Anh Thu

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN LÝ NỢ NƯỚC NGOÀI

(Ban hành theo Quyết định số 2421/QĐ-ĐHKT ngày 26 tháng 08 năm 2019.)

1. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN:

1.1. Nguyễn Thị Kim Chi

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Tiến sỹ
 - Địa điểm làm việc: Khoa KT&KDQT, Trường ĐHKT-DHQGHN
 - Địa chỉ liên lạc: P 407, Nhà E4, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy HN
 - Điện thoại: 0389961486.
 - Email: kimchidhkt@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Đàm phán quốc tế, Du lịch quốc tế, Nợ nước ngoài, Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Kinh tế Mỹ, Kinh tế Trung Quốc.

1.2. Nguyễn Quang Thuần

- Chức danh, học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sỹ.
 - Địa điểm làm việc: Viện khoa học xã hội Việt Nam.
 - Địa chỉ liên hệ: Số 1 Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội.
 - Điện thoại: (04) 38239254; 0913506800.
 - Email: thuanq_2000@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Tài chính quốc tế; Kinh tế EU; Công ty xuyên quốc gia.

1.3. Phạm Thu Phương

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sỹ.
 - Địa điểm làm việc: Khoa KT&KDQT, Trường ĐHKT-DHQGHN
 - Địa chỉ liên lạc: P 407, Nhà E4, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy HN
 - Điện thoại: 0904322545
 - Email: phuong25@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Đầu tư quốc tế, Quản lý tài chính, Công ty xuyên quốc gia.

2. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN:

- Tên học phần: Quản lý nợ nước ngoài
- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: INE3025
- bậc đào tạo: Cử nhân
- Các học phần tiên quyết: Kinh tế học quốc tế

- Các yêu cầu đối với học phần:
 - + Cập nhật thông tin thực tế để có thể học tốt học phần Quản lý nợ nước ngoài.
 - + Biết tổ chức học tập theo nhóm. Tham gia tích cực các hoạt động, nghe giảng, thảo luận, thuyết trình trên lớp. Hoàn thành đầy đủ các bài tập ở nhà.
 - + Chủ động, tự giác đọc học liệu theo sự hướng dẫn của giáo viên.
- Tổng số giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45
 - + Lý thuyết 25
 - + Thảo luận, bài tập 20
- Địa chỉ khoa phụ trách học phần: P.407, Nhà E4, Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

3.1. Kiến thức

Trình độ đạt được của học viên	Trình độ tương ứng theo thang bậc nhận thức của Bloom	Mục tiêu về kiến thức
Mức 1 (Có khả năng tái hiện)	Mức 1 (Tái hiện - Biết)	Hiểu và nắm rõ được kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia như các khái niệm liên quan đến nợ nước ngoài, phân loại, nguyên nhân gây ra nợ nước ngoài của một số quốc gia
Mức 2 (Có khả năng tái tạo)	Mức 2 & 3 (Hiểu và áp dụng)	-Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về quản lý nợ nước ngoài của một quốc gia như khái niệm, mục tiêu, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến nợ nước ngoài. -Hiểu và phân tích được những yếu tố ảnh hưởng đến vay nợ nước ngoài của một quốc gia.
Mức 3 (Có khả năng lập luận)	Mức 4 & 5 (Lập luận - Phân tích và đánh giá)	-Đánh giá được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nợ nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước đi vay. -Đánh giá được thực trạng nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện công tác quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam. -Hiểu, phân tích, đánh giá được kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài, rút ra được các bài học trong quản lý nợ cho Việt Nam
Mức 4 (Có khả năng sáng tạo)	Mức 6 (Sáng tạo)	-Vận dụng các phương pháp xác định mức độ vay nợ nước ngoài để đánh giá thực trạng vay nợ nước ngoài của một quốc gia. -Vận dụng những kinh nghiệm quản lý nợ nước ngoài của một số quốc gia để quản lý tốt nguồn vốn vay nợ nước ngoài ở Việt Nam, nhất là nguồn vốn ODA.

3.2.Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Trang bị cho người học các kỹ năng phân tích về quản lý nợ trong nền kinh tế toàn cầu theo cơ chế thị trường. Thông qua kinh nghiệm quản lý nợ quốc tế giúp sinh viên phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay nhằm hướng tới một hệ thống quản lý nợ nước ngoài có hiệu quả.

3.2.2 Kỹ năng bổ trợ

- Có kỹ năng tổ chức thành công các buổi thuyết trình trên lớp với các chủ đề liên quan đến nợ nước ngoài, quản lý nợ nước ngoài và kinh nghiệm quản lý, vay nợ của một số nước cũng như thực trạng nợ, quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam.

-Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm cũng như kỹ năng lãnh đạo nhóm.

-Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, lập luận trước những vấn đề liên quan đến nợ nước ngoài của một quốc gia.

-Có kỹ năng tự nghiên cứu, hình thành phương pháp nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn một cách khoa học, say mê tìm tòi, khám phá những ý tưởng mới trong quá trình học và làm việc sau này.

3.3. Phẩm chất đạo đức

- Có ý thức học tập tự giác thường xuyên, chuyên cần, có tinh thần trách nhiệm cao trước tập thể, có thái độ khoa học trước những vấn đề của đời sống thực tiễn.

- Có ý thức trách nhiệm trong các hoạt động nhóm.

4. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Quản lý nợ nước ngoài là môn học bắt buộc, mang tính ứng dụng cao, bao gồm những kiến thức chuyên sâu và tổng hợp, vừa có tính lý luận vừa mang tính nghiệp vụ, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về nợ nước ngoài, quản lý nợ nước ngoài. Học phần bao gồm 5 nội dung:

- Khái quát chung về nợ nước ngoài
- Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài
- Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài
- Quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam
- Quản lý nguồn vốn ODA ở Việt Nam

5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI

1.1. Các khái niệm liên quan đến nợ nước ngoài

- 1.1.1. Nợ nước ngoài*
- 1.1.2. Nợ quốc gia, nợ chính phủ*
- 1.1.3. Nợ trực tiếp và nợ dự phòng*
- 1.1.3. Vay ODA và vay thương mại*
- 1.1.4. Vốn đối ứng*
- 1.1.5. Dịch vụ trả nợ*
- 1.1.6. Vỡ nợ, xóa nợ, miễn giảm nợ, đảo nợ*
- 1.1.7. Công cụ nợ*
- 1.1.8. Tổng nợ nước ngoài*
- 1.1.9. Nghĩa vụ nợ dự phòng*
- 1.1.10. Cơ quan cho vay lại và người vay lại vốn vay nước ngoài*

1.2. Phân loại nợ

- 1.2.1. Căn cứ vào chủ thể đứng ra vay*
- 1.2.2. Căn cứ vào thời hạn vay*
- 1.2.3. Căn cứ vào lãi suất vay*
- 1.2.4. Căn cứ vào điều kiện vay nợ*
- 1.2.5. Căn cứ theo thông lệ quốc tế (ND 134/2005/ND-CP)*

1.3. Nguồn gốc gây ra nợ của các nước

- 1.3.1. Nguyên nhân bên ngoài*
- 1.3.2. Nguyên nhân bên trong*

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến vay nợ nước ngoài và các phương pháp xác định mức độ vay nợ nước ngoài của một nước

- 1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng*
- 1.4.2. Các phương pháp xác định*

1.5. Ảnh hưởng của nợ nước ngoài đối với sự phát triển KT-XH của nước đi vay

- 1.5.1. Ảnh hưởng tích cực*
- 1.5.2. Ảnh hưởng tiêu cực*

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ NỢ NƯỚC NGOÀI

2.1. Khái niệm, mục tiêu của Quản lý nợ nước ngoài

- 2.1.1. Khái niệm*
- 2.1.2. Mục tiêu*

2.2. Vai trò của quản lý nợ nước ngoài

- 2.2.1. Đảm bảo an toàn nợ và an ninh cho nền tài chính quốc gia
- 2.2.2. Đảm bảo uy tín của bên vay và đáp ứng được yêu cầu của bên cho vay
- 2.2.3. Hạn chế và phòng ngừa những rủi ro trong vay nợ

2.3. Nội dung của quản lý nợ nước ngoài

- 2.3.1. Quản lý về mặt thể chế
- 2.3.2. Quản lý về mặt kinh tế

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nợ nước ngoài

- 2.4.1. Môi trường pháp lý
- 2.4.2. Cơ cấu tổ chức
- 2.4.3. Các chính sách kinh tế vĩ mô
- 2.4.4. Các nhân tố khác

CHƯƠNG 3: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ NỢ NƯỚC NGOÀI

3.1. Tổng quan về nợ nước ngoài của các nước trên thế giới

- 3.1.1. Khối lượng nợ
- 3.1.2. Cơ cấu nợ
- 3.1.3. Mức độ nợ

3.2. Kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước

- 3.3.1. Kinh nghiệm của Mỹ Latinh: Mê-hi-cô, Bra-xin...
- 3.3.2. Kinh nghiệm của các nước Đông Á: Thái Lan, In-dô-nê-si-a, Ma-lay-si-a...
- 3.3.3. Kinh nghiệm của các nước châu Phi: Ni-giê-ri-a, Công-gô, CH Nam Phi...
- 3.3.4. Kinh nghiệm của các nước châu Âu: Hi Lạp, Ai-len...

3.3. Bài học đối với Việt Nam

- 3.3.1. Phát huy và khai thác triệt để yếu tố nội lực
- 3.3.2. Phải có chính sách quản lý các khoản vay nước ngoài một cách chặt chẽ
- 3.3.3. Cần duy trì cân bằng tương đối giữa các biến số kinh tế vĩ mô như: tăng trưởng, lạm phát, tỉ giá, lãi suất, thâm hụt ngân sách, thâm hụt cán cân vay lãi
- 3.3.4. Đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài
- 3.3.5. Cần có định hướng sử dụng vốn nước ngoài một cách có hiệu quả, tránh lãng phí
- 3.3.6. Cần linh hoạt trong điều hành chính sách tỉ giá hối đoái
- 3.3.7. Xây dựng hệ thống tài chính ngân hàng trong sạch, vững mạnh
- 3.3.8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng khả năng xuất khẩu
- 3.3.9. Chính phủ đóng vai trò quyết định trong định hướng phát triển nền kinh tế, đảm bảo trong chiến lược vay nợ nước ngoài
- 3.3.10. Đảm bảo hệ thống thông tin đầy đủ trong quản lý nợ nước ngoài

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NỢ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

4.1. Quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam

4.1.1. Quản lý nợ ở Việt Nam - những nội dung cơ bản

4.1.2. Thực trạng quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam

4.2. Quản lý trả nợ nước ngoài của Việt Nam

4.2.1. Những vấn đề chung về trả nợ nước ngoài ở Việt Nam

4.2.2. Thực trạng trả nợ nước ngoài ở Việt Nam

4.3. Một số vấn đề đặt ra nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ và trả nợ nước ngoài của Việt Nam

4.4.1. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý nợ nước ngoài

4.4.2. Một số vấn đề đặt ra

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NGUỒN VỐN ODA Ở VIỆT NAM

5.1. Giới thiệu chung về ODA

5.1.1. Nguồn gốc lịch sử của ODA

5.1.2. Khái niệm

5.1.3. Vai trò của ODA

5.1.4. Phân loại ODA

5.1.5. Đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến việc cung cấp ODA

5.1.6. Phân bổ và xu hướng phát triển ODA trên thế giới

5.2. Quản lý vốn vay ODA ở Việt Nam

5.2.1. Sự cần thiết phải quản lý vốn vay ODA

5.2.2. Quan điểm và thể chế quản lý vốn vay ODA

5.2.2. Hoạch định sử dụng và tổ chức thực hiện vốn vay ODA

5.2.3. Kiểm soát và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay ODA

5.3. Những vấn đề đặt ra nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn ODA ở Việt Nam

5.3.1. Định hướng vay và trả nợ ODA ở Việt Nam

5.3.2. Một số vấn đề cơ bản đặt ra nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn ODA ở Việt Nam

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

6. HỌC LIỆU

6.1. Học liệu bắt buộc

1. Lê Quốc Lý, Lê Huy Trọng, (2003) “Nợ nước ngoài, những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý ở Việt Nam”, NXB tài chính.
2. Hạ Thị Thiều Dao (2013), “Nợ nước ngoài và quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam”, NXB Tài chính.
3. Faiez Hassan Seyal, (2017), “Foreign Debt and its impact on Developing Economies”.

6.2. Học liệu tham khảo:

1. World Bank (1999), “Đánh giá viện trợ khi nào có tác dụng, khi nào không và tại sao”, Báo cáo nghiên cứu chính sách của WB. NXB Chính trị Quốc gia.

2. Một số câu hỏi tổng kết cho các chương (GV. Nguyễn Thị Kim Chi biên soạn).
3. Luật quản lý nợ công (2017). Số 20/2017/QH14.
4. Đinh Công Tuấn, (2014) “Nợ công Việt nam nhìn từ kinh nghiệm Châu Âu”. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.
5. Bộ Tài chính - Học viện tài chính, (2011). Giáo trình “Quản trị và nợ quốc tế”. NXB Tài chính.
6. Sổ tay quản lý nợ nước ngoài của Chính phủ, Kỳ yếu dự án tăng cường năng lực quản lý nợ nước ngoài hiệu quả và bền vững VIE/(2005).
7. Bộ Tài chính. Bản tin nợ nước ngoài số... (Các số trong năm)
8. IMF (2017), World Economics Outlook, statistics appendix.
9. World Debt table, Ngân hàng thế giới 2016 -- 2017.

7. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

7.1. Lịch trình chung

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Tổng cộng	Kiểm tra đánh giá
		Lý thuyết	Thảo luận/bài tập		
1	Giới thiệu môn học: Chương 1: Khái chung về nợ nước ngoài	3	0	3	
2	Chương 1	1	2	3	
3	Chương 1	1	2	3	
4	Chương 2: Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài	2	1	3	
5	Chương 2	1	2	3	
6	Chương 2	2	1	3	
7	Chương 3: Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài	2	1	3	Bài tập nhóm/tháng
8	Chương 3	2	1	3	
9	Chương 3	1	2	3	Kiểm tra giữa kỳ
10	Chương 4: Quản lý nợ và trả nợ nước ngoài ở Việt Nam	2	1	3	
11	Chương 4	2	1	3	
12	Chương 4	1	2	3	
13	Chương 5: Quản lý nợ ODA ở Việt Nam	1	2	3	
14	Chương 5	2	1	3	
15	Chương 5: Tổng kết môn học	2	1	3	
Tổng cộng		25	20	45	

7.2. Lịch trình cụ thể cho từng nội dung:

* Tuần 1: Nhập môn + Chương 1: Khái quát chung về nợ nước ngoài

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 3 giờ tín chỉ	GD	<ol style="list-style-type: none"> Giới thiệu đề cương và tổng quan môn học (đối tượng, nội dung, phương pháp). Hướng dẫn cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá môn học. Giới thiệu các học liệu chung và các học liệu tham khảo. Chia nhóm học tập. Học chương 1: Khái quát chung về nợ nước ngoài <ul style="list-style-type: none"> Các khái niệm, phân loại nợ. Nguồn gốc gây ra nợ của các nước. Các yếu tố ảnh hưởng đến vay nợ nước ngoài. 	<ol style="list-style-type: none"> Chuẩn bị đề cương môn học. Chuẩn bị học liệu cho môn học. Chuẩn bị các câu hỏi do giảng viên cung cấp Đọc học liệu bắt buộc số 1 tr (9 – 21). Đọc học liệu bắt buộc số 2 tr (3 - 9). Đọc học liệu bắt buộc số 3 tr 35. Đọc học liệu bắt buộc số 9 tr 79 	Hiểu và nhớ được kiến thức có bản liên quan đến nợ nước ngoài như khái niệm, phân loại, nguyên nhân gây ra nợ của các nước.	
Tư vấn		Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email			

*** Tuần 2: Chương 1 (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	Chương 1: Khái quát chung về nợ nước ngoài - Các phương pháp xác định mức vay nợ nước ngoài của một nước.	- Đọc học liệu 1 tr (28 - 38). - Đọc học liệu 9 trang (45 - 57) - Đọc học liệu số 2 tr (10-25)	-Hiểu và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến vay nợ nước ngoài và các phương pháp xác định mức vay nợ nước ngoài của một quốc gia. -Nắm và hiểu được khái niệm về nợ nước ngoài.	
Thảo luận 2 giờ tín chỉ	GD	- Mục đích của vay nợ nước ngoài? - Người ta dựa trên những căn cứ nào để xác định mức vay nợ nước ngoài của một nước? - So sánh sự khác nhau giữa vay nợ trong nước và vay nợ nước ngoài? - Phân biệt một số khái niệm nợ quốc gia, nợ Chính phủ, nợ công? - Phân biệt nợ quốc gia và nợ nước ngoài? - Sự khác biệt về nguồn gốc gây ra nợ của các nước đang phát triển và các nước phát triển? - Các tiêu chí đánh giá nợ nước ngoài của một nước? - Mặt trái của ODA?	- Đọc học liệu 6 tr (50 - 55). "Vai trò của viện trợ phát triển".	-Nắm và hiểu được khái niệm về nợ nước ngoài. -Nắm, hiểu, trả lời tốt được nội dung các câu hỏi thảo luận ở phần nội dung chính.	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 3: Chương 1: (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 1: Khái quát chung về nợ nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của nợ nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước đi vay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 12 tr (27 - 50) mục: "Làm thế nào tính toán được nhu cầu tài trợ". - Đọc học liệu số 3 tr (12-17). - Đọc học liệu số 8 tr (201-220). - Đọc học liệu số 10 tr (15-17). 	<p>Phân tích được tác động hai mặt của nợ nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước đi vay.</p>	
Thảo luận 2 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu, nhược điểm của mỗi loại hình vay nợ nước ngoài (vay ODA, vay thương mại)? - Mức vay nợ nước ngoài của một số nước phụ thuộc vào những yếu tố nào? - So sánh ưu nhược điểm của vay nợ nước ngoài với thu hút vốn FDI? - Vai trò của viện trợ phát triển? - Phân biệt giữa viện trợ phát triển và viện trợ nhân đạo? 		<p>Trả lời các câu hỏi thảo luận trong phần nội dung chính.</p>	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 4: Chương 2: Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 2: Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, mục tiêu của Quản lý nợ nước ngoài - Vai trò của quản lý nợ nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 2 tr (49-50). - Đọc học liệu số 8 tr (194-200). 	Nhớ và hiểu được kiến thức cơ bản về quản lý nợ nước ngoài như khái niệm, mục tiêu, vai trò của quản lý nợ nước ngoài	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh ưu, nhược điểm của FDI với vay nợ nước ngoài? - Để tăng khả năng trả nợ nước ngoài, quốc gia vay nợ cần phải làm gì? - Năng lực trả nợ nước ngoài của một quốc gia (nền kinh tế) phụ thuộc vào các yếu tố nào? 		Trả lời các câu hỏi thảo luận trong phần nội dung chính	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

• **Tuần 5: Chương 2 (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	Chương 2: Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài. - Nội dung của quản lý nước ngoài.	- Đọc học liệu 2 tr (50-60) - Đọc học liệu số 9 tr (183-192).	Phân tích và hiểu được nội dung của quản lý nợ nước ngoài ở cả 2 khía cạnh thể chế và kinh tế. Hiểu được thế nào là an toàn tài chính trong vay nợ của một quốc gia.	
Thảo luận 2 giờ tín chỉ	GD	- Khả năng hấp thụ vốn của một nước con nợ phụ thuộc vào những yếu tố nào? - Hiểu thế nào là an toàn tài chính trong vay nợ của một quốc gia? - Đánh giá hiệu quả trong khâu vay vốn? - Chi phí và các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi đi vay vốn nước ngoài? - Thế nào là hệ thống quản lý nợ nước ngoài của một quốc gia?		Trả lời các câu hỏi ở phần nội dung chính.	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 6: Chương 2: (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 2: Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung của quản lý nước ngoài (tiếp). - Các nhân tố ảnh hưởng đến Quản lý nợ nước ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 2 trang (60-68) - Đọc học liệu số 9 tr (211-222). 	Phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nợ nước ngoài của một quốc gia.	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả trong sử dụng vốn vay của một quốc gia? - Đánh giá hiệu quả trong khâu trả nợ của một quốc gia? 		Trả lời các câu hỏi ở phần nội dung chính.	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi của sinh viên (nếu có)				

*** Tuần 7: Chương 3: Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 3: Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về tình hình nợ nước ngoài của các nước trên thế giới - Kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước (Mỹ-latinh) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 1 trang (79 - 80) - Đọc học liệu số 2 tr (75-78). 	<ul style="list-style-type: none"> -Hiểu và nắm bắt được bức tranh chung về nợ nước ngoài các nước đang phát triển như: tốc độ, quy mô, cơ cấu,... -Phân tích, đánh giá kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước (Mỹ-latinh). 	
Kiểm tra đánh giá 1 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút và sử dụng vốn ODA (của một nước nào đó) -- Bài học đối với Việt Nam 		Bài tập nhóm/tháng	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi của sinh viên (nếu có)				

*** Tuần 8: Chương 3 (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 3: Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài</p> <p>- Kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước (Đông Á, châu Phi, châu Âu)</p>	- Đọc học liệu số 1 tr (81-88).	Phân tích và đánh giá được khái niệm quản lý, vay nợ nước ngoài ở một số nước (Đông Á, Châu Phi, Châu Âu)	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	<p>- So sánh nợ nước ngoài của các nước Mỹ-latinh và nợ công châu Âu</p> <p>- Kinh nghiệm quản lý vay nợ nước ngoài của Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia ... Bài học đối với Việt Nam</p>		Trả lời các câu hỏi trong phần nội dung chính.	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 9: Chương 3 (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	Chương 3: Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài - Bài học đối với Việt Nam	- Đọc học liệu số 2 tr (78-82). - Đọc học liệu số 1 tr (89-93). - Đọc học liệu số 7 tr (221-222).	- Vận dụng được kiến thức của chương 3, chương 2 và chương 1 để rút ra được một số bài học kinh nghiệm trong quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam.	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	- So sánh nợ nước ngoài của Việt Nam và một số nước trong khu vực (<i>về số liệu</i>) - So sánh nợ nước ngoài ở các khu vực Á, Phi, Mỹ-latinh, Âu. - So sánh sự giống, khác nhau giữa hai cuộc khủng hoảng nợ Mỹ-latinh và cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á? - Biện pháp khắc phục nợ khi một con nợ rơi vào tình trạng không trả được nợ?		Làm rõ được sự khác biệt giữa hai cuộc khủng hoảng nợ Mỹ-latinh và cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á? - Dưa ra một số biện pháp khắc phục khi một con nợ rơi vào tình trạng không trả được nợ.	
Kiểm tra đánh giá 1 giờ tín chỉ	GD				- Kiểm tra giữa kỳ.
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 10: Chương 4: Quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam.**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 4: Quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý vay nợ nước ngoài của Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 1 tr (98-105) - Đọc học liệu số 2 tr (85-145). - Đọc học liệu số 7 tr (299-300). - Đọc học liệu số 8 tr (224-237). 	-Hiểu và nắm được tình hình quản lý vay nợ ở Việt Nam trong thời gian qua như thế nào?	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - Cho biết các cơ quan tham gia trong quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam? - Cơ chế quản lý, sử dụng vốn vay nước ngoài ở Việt Nam? - Cho biết các công cụ và nguyên tắc quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam? 		Thảo luận cơ chế quản lý, sử dụng vốn vay nước ngoài ở Việt Nam	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 11: Chương 4 (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 4: Quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý trả nợ nước ngoài của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu số 1 tr (146-156). - Đọc học liệu số 2 tr (149-160). - Đọc học liệu số 7 tr (301-315). - Đọc học liệu số 8 tr (238-240). 	<p>Hiểu và nắm được thực trạng quản lý sử dụng, trả nợ nước ngoài của Việt Nam trong thời gian qua như thế nào?</p>	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - Để làm chủ quá trình vay nợ (để nợ trở thành một vấn đề lành mạnh), các nước con nợ cần phải làm gì? - Cho biết cơ chế vay và trả nợ nước ngoài của tư nhân? - So sánh cơ chế quản lý nợ nước ngoài của khu vực công và khu vực tư nhân (ở Việt Nam)? - Phân biệt sự khác biệt cơ bản giữa Quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam và một số nước trên thế giới? - Thực trạng vay thương mại ở Việt nam hiện nay? - Cho biết tình hình trả nợ và xử lý nợ nước ngoài của Việt Nam thời gian qua? 		<p>Trả lời các câu hỏi trong phần nội dung chính đặc biệt là cơ chế vay và trả nợ nước ngoài của tư nhân; tình hình trả nợ và xử lý nợ nước ngoài của Việt Nam trong thời gian qua.</p>	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 12: Chương 4: (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 4: Quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam</p> <p>- Một số vấn đề đặt ra nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam.</p>	<p>- Đọc học liệu số 1 tr (157-163).</p> <p>- Đọc học liệu số 2tr (169-189).</p> <p>- Đọc học liệu số 7 tr (222-331).</p> <p>- Đọc học liệu số 8 tr (241-247).</p>	Vận dụng kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn nợ nước ngoài ở Việt Nam để thực hiện công tác quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam trong thời gian tới.	
Thảo luận 2 giờ tín chỉ		<p>- Bạn có những đánh giá gì về tình hình nợ nước ngoài và công tác quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam thời gian qua?</p> <p>- Cơ hội thách thức trong vay nợ nước ngoài của Việt Nam?</p> <p>- Trình bày một số giải pháp về quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Việt Nam thời gian tới?</p> <p>- Đánh giá chung về quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam (thành tựu, hạn chế, nguyên nhân)?</p> <p>- Trả nợ nước ngoài ở Việt Nam: nguyên tắc, các yêu cầu, quy trình trả nợ, định hướng trả nợ, khả năng trả nợ...</p> <p>- Tình hình xử lý và trả nợ nước của Việt Nam thời gian qua?</p>		Trả lời các câu hỏi trong phần nội dung chính.	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 13: Chương 5: Quản lý nợ ODA ở Việt Nam**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	Chương 5: Quản lý nợ ODA ở Việt Nam - Những vấn đề chung về ODA.	- Đọc học liệu số 8 tr (248-254). - Đọc học liệu số 9 tr (110-118).	Hiểu và nắm bắt những vấn đề chung về ODA như nguồn gốc lịch sử, khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng...	
Thảo luận 2 giờ tín chỉ	GD	- Đánh giá hoạt động thu hút, sử dụng vốn ODA ở Việt Nam thời gian qua? - Nguyên nhân giải ngân chậm nguồn ODA ở Việt Nam? - Triển vọng thu hút ODA trên thế giới sau năm 2010? - Thực chất ODA là gì? - So sánh sự khác nhau giữa ODA và FDI? ODA và ODF?		-Trả lời tốt các câu hỏi trong phần nội dung đặc biệt là bản chất ODA là gì? Sự khác nhau giữa ODA và FDI, ODA và ODF? -ODA có phải là hình thức đầu tư quốc tế không?	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 14: Chương 5: (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 2 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 5: Quản lý nợ ODA ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề cơ bản về vốn vay ODA. - Quản lý vốn vay ODA ở Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 9 trang (110 - 118). - Đọc học liệu tham khảo 10 trang (3 - 15). - Đọc học liệu 2 trang 222 	<ul style="list-style-type: none"> -Hiểu và giải thích được vốn vay ODA là gì? -Quản lý nguồn vốn vay ODA ở Việt nam như thế nào? 	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ	GD	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình, thủ tục chung để một nước nhận được nguồn ODA? - Phương thức tài trợ mới của các nhà tài trợ hiện nay? - Huy động ODA của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới? - Thực trạng thu hút và sử dụng vốn ODA ở Việt Nam thời gian qua? 		<p>Trả lời tốt được các câu hỏi trong phần nội dung chính đặc biệt nắm được quy trình, thủ tục chung để một nước nhận được nguồn ODA</p>	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

*** Tuần 15: Chương 5 (tiếp) + Ôn tập hết môn.**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Chuẩn kiến thức kỹ năng học viên đạt được	Ghi chú
Lý thuyết 1 giờ tín chỉ	GD	<p>Chương 5: Quản lý nợ ODA ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề đặt ra nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn vay ODA và trả nợ nước ngoài ở Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc học liệu 6 trang (7 - 8). - Xem lại toàn bộ nội dung môn học và chuẩn bị câu hỏi để giáo viên giải đáp. 	<ul style="list-style-type: none"> - vận dụng kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam trong bối cảnh mới đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn vay ODA và trả nợ nước ngoài ở Việt Nam. - Lý giải xem Việt Nam có nên tiếp tục huy động nguồn vốn ODA trong thời gian tới và có nên tốt nghiệp nguồn vốn này không? Thời điểm tốt nhất để tốt nghiệp? 	
Thảo luận 1 giờ tín chỉ		<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay lại vốn ODA ở Việt Nam: đối tượng được vay, lãi suất? - Xử lý nợ CLB Paris và CLB London? - Tổng kết và giải đáp thắc mắc. - Hướng dẫn ôn tập. - Chuẩn bị thi hết môn. 		<p>Trả lời tốt các câu hỏi trong phần nội dung chính.</p> <p>Hệ thống kiến thức học phần</p>	
Tư vấn	Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của sinh viên qua điện thoại hoặc qua Email.				

8. Chính sách đối với học phần và yêu cầu của giảng viên

- Yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi tới lớp (Đọc phần “Yêu cầu sinh viên chuẩn bị” ghi trong đề cương học phần, học liệu tham khảo, sách đọc thêm, các câu hỏi và phần việc phải làm ở nhà mà giáo viên giao).

- Tập trung nghe giảng, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, hăng hái tích cực phát biểu ý kiến.

- Đi học đầy đủ, đúng giờ

- Nộp bài kiểm tra đủ, đúng hạn (nộp muộn sẽ bị trừ điểm hoặc không chấp nhận).

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra – đánh giá:

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Kiểm tra, đánh giá thường xuyên	Điểm danh	Theo dõi sinh viên đi học đều: Đi học đầy đủ	10%
Thảo luận nhóm	Chuẩn bị slide. Đại diện nhóm báo cáo trên lớp	Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm.	20%
Kiểm tra giữa kỳ	Bài kiểm tra chắc nghiệm/tự luận	Đánh giá khả năng nhớ và hiểu các nền tảng lý thuyết	10%
Làm bài tập lớn	Bài tập lớn/Tiểu luận	Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, lý giải vấn đề.	60%
			100%

9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài kiểm tra

9.2.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên, chuyên cần

- Tham gia đủ 15 buổi: 10 điểm

- Nghỉ 1 buổi, trừ 1 điểm

9.2.2. Bài thuyết trình nhóm

- Đặt vấn đề rõ ràng, hợp lý.

- Thể hiện được kỹ năng phân tích tổng hợp cần thiết.

- Nắm và hiểu rõ được những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến nội dung bài tập.

- Có bằng chứng sử dụng học liệu trong đề cương và kiến thức do giảng viên cung cấp.

- Đánh giá ý thức học tập thường xuyên và kỹ năng làm việc theo nhóm.

- Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm.

- Vận dụng được những kiến thức lý luận cơ bản vào giải quyết vấn đề thực tiễn cụ thể thông qua thảo luận nhóm.

- Trình bày kết quả thảo luận ngắn gọn, rõ ràng, chính xác. Có những đánh giá, đề xuất thuyết phục bằng ngôn ngữ cá nhân.

9.2.3. Bài tập kiểm tra giữa kỳ

Sinh viên sẽ làm bài kiểm tra dưới hình thức tự luận trên lớp theo các nội dung đã học từ đầu kỳ.

- Tiêu chí 1: Hiểu và trả lời đúng các câu hỏi tự luận về các khái niệm, kiến thức liên quan đến Quản lý nợ nước ngoài.

- Tiêu chí 2: Hiểu, trình bày và phân tích, đánh giá vấn đề liên quan Quản lý nợ nước ngoài.

- Tiêu chí 3: Vận dụng được khung lý thuyết để phân tích thực trạng quản lý nợ nước ngoài ở một số quốc gia và đề xuất bài học cho Việt Nam.

9.2.4. Tiểu luận

Tiểu luận sẽ được đánh giá theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: Hiểu và trình bày được một số vấn đề cơ bản về nợ nước ngoài, quản lý nợ nước ngoài theo yêu cầu của tiểu luận như: các khái niệm, mục tiêu, vai trò, nhân tố ảnh hưởng, kinh nghiệm quốc tế và thực trạng quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam ...dựa trên các vấn đề đã được trình bày trong giáo trình hoặc các tài liệu tham khảo liên quan đến học phần đã học.

- Tiêu chí 2: Giải quyết được phần lớn các yêu cầu của tiểu luận về nội dung và hình thức. Thể hiện rõ qua phân tích, luận giải vấn đề trình bày trong tiểu luận một cách rõ ràng.

- Tiêu chí 3: Đưa ra các dẫn chứng thực tế, phù hợp qua các tình huống cụ thể cho thấy người học nắm vững được các kiến thức cơ bản liên quan đến nợ nước ngoài, thực trạng quản lý nợ nước ngoài ở một số nước.

- Tiêu chí 4: Hiểu và vận dụng kinh nghiệm quốc tế. Đưa ra được các bài học kinh nghiệm, giải pháp cho Việt Nam trong quản lý nợ nước ngoài.

Điểm Tiêu chí

Điểm	Tiêu chí
Từ 9 đến 10	- Đạt cả 4 tiêu chí - Trình bày văn bản và trích dẫn tài liệu tham khảo (nếu có) tương đối đúng quy định
Từ 8,5 đến 8,9	- Đạt 3 tiêu chí đầu. - Tiêu chí 3: Bài tập thực hành hoặc bài tập tình huống chưa được giải quyết trọn vẹn. - Có sự vận dụng kiến thức trong học phần, có sử dụng tài liệu và phương pháp mà giảng viên đã hướng dẫn. Tuy nhiên, một số lập luận chưa chặt chẽ, sức thuyết phục chưa cao. - Trình bày văn bản, trích dẫn tài liệu tham khảo (nếu có) đúng quy định.
Từ 7 đến dưới 8,4	- Đạt tiêu chí 1 và 2. - Có phân tích, luận giải vấn đề một cách tương đối rõ ràng. Có đưa ra quan điểm riêng về vấn đề được đề cập tới trong bài tập lớn, nhưng sức thuyết phục chưa cao. - Tiêu chí 4: chưa đạt yêu cầu. - Trình bày văn bản và trích dẫn tài liệu tham khảo (nếu có) tương đối đúng quy định.
Từ 5 đến 6,9	- Đạt tiêu chí 1.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí 2: Giải quyết được phần lớn các yêu cầu của bài tập lớn. Các dẫn chứng thực tế còn ít và chưa hoàn toàn phù hợp. - Tiêu chí 3,4: chưa đạt yêu cầu. - Trình bày văn bản và trích dẫn tài liệu tham khảo (nếu có) chưa hoàn toàn đúng quy định.
Dưới 5	<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt cả 3 tiêu chí.

❖ Yêu cầu trình bày: Tiểu luận

- Tiểu luận viết dưới dạng báo cáo có trang bìa in tên đề tài tiểu luận, tên, lớp, học viên thực hiện.

- Trình bày trên khổ giấy A4, font chữ: Time New Roman 13-14, dẫn dòng 1.3 - 1.5 tùy vào cỡ chữ 13 hay 14. Lề trên, lề dưới: 2.5cm, Lề phải 3cm, lề trái 2cm. Đánh số trang theo quy định

- Độ dài báo cáo từ 20 - 30 trang (tùy từng chủ đề).

- Trình bày đẹp, sáng sủa, rõ ràng, kết cấu logic, chặt chẽ.

9.4. Lịch thi, kiểm tra

- Lịch kiểm tra (bài tập cá nhân) ghi trong lịch trình chung của đề cương học phần. Nếu có thay đổi, giảng viên sẽ thông báo cho học viên trước 1 tuần.

- Lịch thuyết trình bài tập nhóm theo lịch trình chung của đề cương học phần, theo sự phân công của giáo viên.

- Tiểu luận nộp sau 2-3 tuần kể từ khi kết thúc học phần.

Giảng viên biên soạn

Chủ nhiệm bộ môn

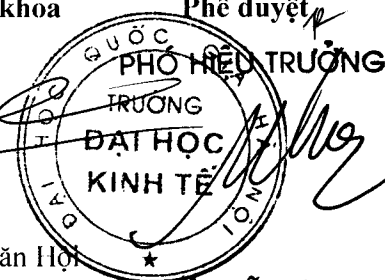
Chủ nhiệm khoa

Phê duyệt

PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi

TS. Vũ Thanh Hương

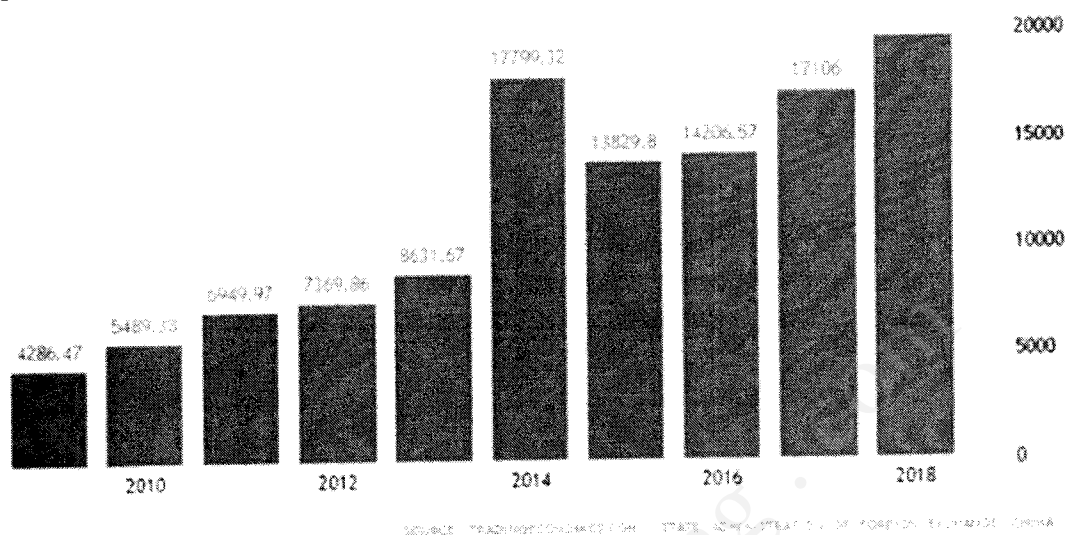
PGS.TS Hà Văn Hội



PGS.TS. Nguyễn Anh Châu

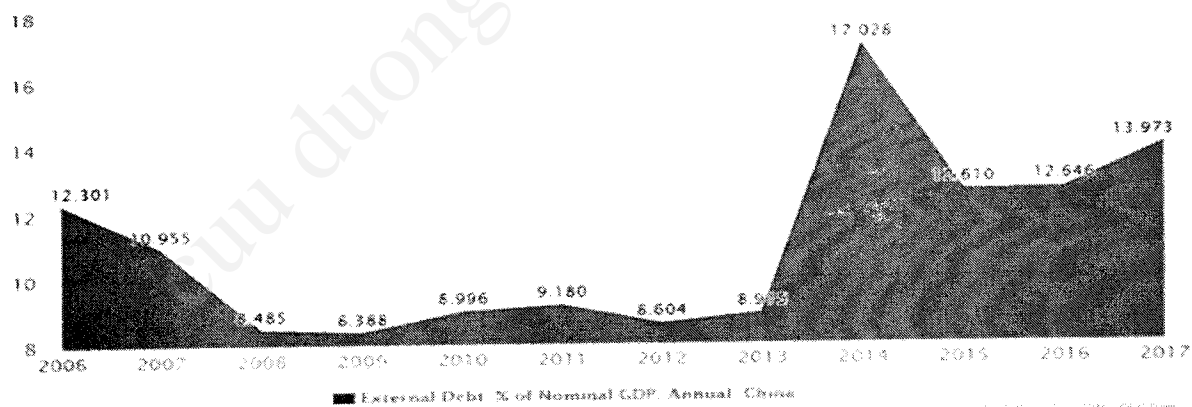
Case study 1: Kinh nghiệm quản lý nợ nước ngoài của Trung Quốc

Một trong những nước quản lý nợ nước ngoài tốt là Trung Quốc. Trung Quốc có mức nợ nước ngoài lớn thứ 5 trên thế giới nhưng đó không phải vấn đề lớn khi Trung Quốc có nguồn dự trữ ngoại tệ cao và mức xuất khẩu lớn.



Hình 1: Tổng nợ nước ngoài của Trung Quốc

Nợ nước ngoài của Trung Quốc tiếp tục tăng trong quý II năm 2018. Vào cuối tháng 6 năm 2018, nợ nước ngoài toàn diện của Trung Quốc đã lên đến 1,8705 nghìn tỷ USD (cả ngoại tệ và ngoại tệ), tăng 27 tỷ USD hoặc 1,5 USD % quý trên quý, chủ yếu do thực tế là các tổ chức không thường trú ở nước ngoài tiếp tục tăng nắm giữ trái phiếu nhân dân tệ trong nước.



Hình 2: Nợ nước ngoài của trung quốc (%GDP)

Nợ nước ngoài của Trung Quốc chiếm 14,0% GDP danh nghĩa của đất nước năm 2017, so với tỷ lệ 12,6% của năm trước. Nợ nước ngoài của quốc gia này đạt 1.870.508,8 vào tháng 6 năm 2018. GDP danh nghĩa của quốc gia được báo cáo ở mức 3.408,0 tỷ vào tháng 9 năm 2018.

- Theo SAFE, đối với một quốc gia lớn như Trung Quốc để vượt qua được những cú sốc trong cuộc chiến tranh thương mại là điều tốn kém và không dễ dàng, nhất là khi các khoản nợ/GDP cao hoặc nợ nước ngoài cao so với thu nhập của quốc gia.

Nhìn chung, nợ nước ngoài của Trung Quốc trong quý thứ hai đang tăng đều đặn và cấu trúc của nó được tối ưu hóa hơn nữa. Thứ nhất, khi thị trường trái phiếu trong nước được tự do hóa hơn nữa, nhu cầu của các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài phân bổ trái phiếu nhân dân tệ trong nước của Trung Quốc, đặc biệt là trái phiếu kho bạc trung và dài hạn, tiếp tục tăng. Theo thống kê có liên quan, đến cuối tháng 6 năm 2018, tỷ lệ các tổ chức nước ngoài trên thị trường trái phiếu kho bạc của Trung Quốc đã đạt 7,28%, tăng 2,31 điểm phần trăm cho đến nay, đạt mức cao kỷ lục. Thứ hai, hơn 70% mức tăng nợ nước ngoài toàn diện của Trung Quốc trong quý thứ hai được thúc đẩy bởi nợ nước ngoài trung và dài hạn, và cơ cấu nợ nước ngoài đã được tối ưu hóa hơn nữa. Vào cuối tháng 6 năm 2018, tỷ lệ nợ nước ngoài ngắn hạn của Trung Quốc so với dự trữ ngoại hối là 38%, thấp hơn nhiều so với mức cảnh báo quốc tế.

Nhìn về phía trước, sự không chắc chắn và các yếu tố gây bất ổn trong môi trường tài chính và kinh tế quốc tế rõ ràng đang gia tăng. Tuy nhiên, với sự thay đổi liên tục của các động lực tăng trưởng cũ và mới, nền kinh tế Trung Quốc sẽ duy trì các nguyên tắc cơ bản về khả năng phục hồi, khả năng thích ứng và phòng rộng rãi để điều động, giúp thúc đẩy trạng thái cân bằng cơ bản của dòng vốn xuyên biên giới.

Trái phiếu đã và đang chiếm một phần ngày càng tăng của nợ nước ngoài đang gia tăng của Trung Quốc, một sự phát triển mà cơ quan quản lý ngoại hối của nước này cho thấy niềm tin vào nền kinh tế của đất nước.

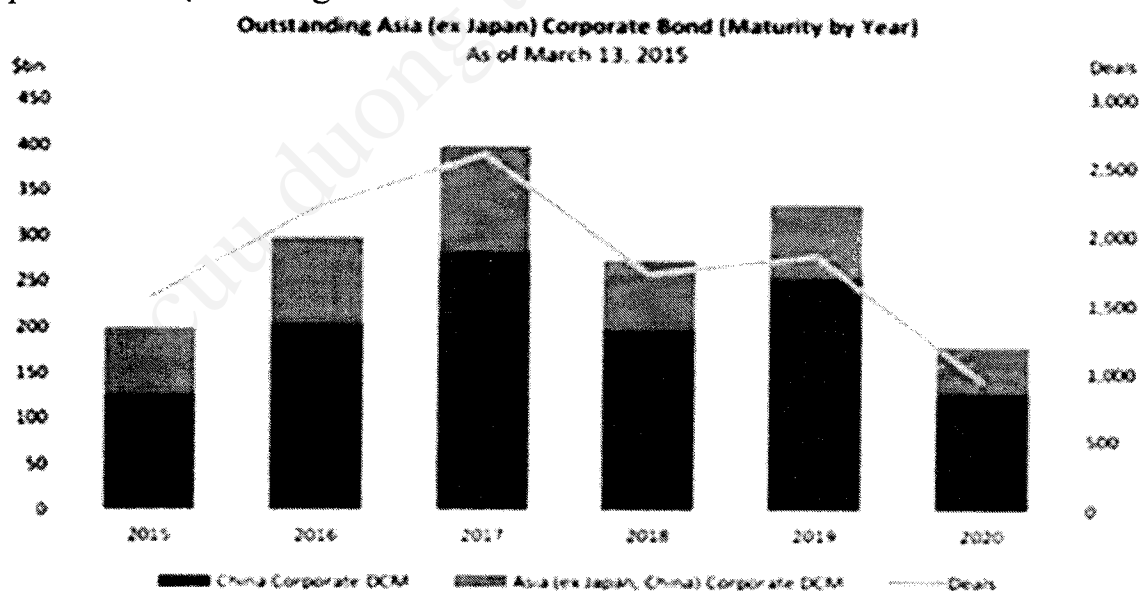
- Nợ nước ngoài của Trung Quốc, bao gồm tiền mà chính phủ, các tập đoàn và tổ chức tài chính nợ các chủ nợ nước ngoài, đã tăng 7,8% từ cuối năm 2017 lên 1,84 nghìn tỷ đô la vào cuối quý đầu tiên, theo dữ liệu được phát hành bởi Cục Quản lý Ngoại hối (SAFE)

Chúng khoán nợ, bao gồm trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp cũng như các công cụ nợ ngắn hạn, chiếm 21% nợ nước ngoài của Trung Quốc vào cuối tháng 3, so với 16% một năm trước. Tiền tệ và tiền gửi chiếm 26%, tăng từ 25% một năm trước; các khoản vay chiếm 23%, so với 24% một năm trước; và tín dụng thương mại và trả trước chiếm 15%, so với 19% một năm trước. Khi thị trường nợ của Trung Quốc phát triển mở rộng hơn và vì nó đã hoạt động tốt trong năm nay, các nhà đầu tư tổ chức ở nước ngoài đã tiếp tục tăng sở hữu trái phiếu bằng đồng nhân dân tệ nội địa, với gần 80% nắm giữ trái phiếu trung và dài hạn, quan chức nói.

Sự gia tăng nợ nước ngoài chủ yếu đến từ chứng khoán nợ, tiền tệ và tiền gửi. Sự gia tăng của tiền tệ và tiền gửi chiếm 36% mức tăng của nợ nước ngoài trong quý đầu tiên, chủ yếu là do các tổ chức và cá nhân nước ngoài đã gửi tiền nhiều hơn tại các ngân hàng trong nước. Chứng khoán nợ chiếm 34% mức tăng của tổng nợ nước ngoài. Xu hướng này là sự gia tăng nợ nước ngoài vào cuối năm 2017, khi tăng tiền gửi từ các tổ chức nước ngoài và mua trái phiếu ngày càng tăng của các tổ chức nước ngoài đóng góp lần lượt 42% và 37% vào việc mở rộng tổng nợ nước ngoài. Wang Chunying, người đứng đầu Bộ phận thanh toán của SAFE, cho biết trong cuộc họp ngắn về số liệu nợ nước ngoài vào cuối năm 2017 trái phiếu kết nối giữa đại lục Trung Quốc và Hồng Kông đã giúp các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận rộng hơn vào thị trường tài chính trong nước, đó là đóng góp quan trọng cho sự quan tâm ngày càng tăng của các tổ chức nước ngoài trong việc nắm giữ nhiều trái phiếu Trung Quốc.

Dữ liệu chính thức cho thấy vào tháng Tư và tháng Năm, các tổ chức nước ngoài đã tăng sở hữu trái phiếu chính phủ bằng đồng nhân dân tệ, nắm giữ gần 7% tổng số trái phiếu chính phủ bằng đồng nhân dân tệ.

Trái phiếu từ các công ty bất động sản và phương tiện tài chính của chính quyền địa phương (LGFV) không được bao gồm trong biện pháp nợ nước ngoài của SAFE. Tuy nhiên, theo thông tin công khai do Caixin thu thập, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) đã phê duyệt ít nhất 23 công ty bất động sản và 21 LGFV phát hành trái phiếu trong nửa đầu năm nay. Những công ty này đại diện cho 37,5% của tất cả các công ty trong nước được NDRC chấp thuận áp dụng để phát hành nợ nước ngoài.



Hình 3: Thống kê lượng nợ nước ngoài sắp đến kỳ đáo hạn của khu vực châu Á và Trung Quốc

Theo báo cáo mới nhất của Viện McKinsey toàn cầu (MGI), tổng số nợ nước ngoài của Trung Quốc đã tăng rất nhanh trong thời gian từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đến nay, bắt nguồn từ việc thực hiện các gói kích cầu và các chính sách kích thích để hỗ trợ phát triển kinh tế sau khủng hoảng của chính phủ Trung Quốc.

Theo đó, tổng số nợ đã tăng gấp 4 lần, từ mức 7.000 tỷ USD năm 2007 lên đến trên 28.000 tỷ USD vào cuối năm 2014, gần gấp 3 lần GDP của Trung Quốc. Nếu tiếp tục đà gia tăng này thì dự báo đến năm 2018, tổng số nợ nước ngoài của Trung Quốc lên tới 400% GDP, tương đương với các quốc gia rơi vào tình trạng khủng hoảng nợ tại châu Âu như Tây Ban Nha.

Sự bất ổn không chỉ nằm ở việc gia tăng nhanh chóng tổng số nợ qua thời gian mà còn ở cơ cấu nợ khi một nửa các khoản vay liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến thị trường bất động sản của Trung Quốc, các tài khoản ngân hàng không được kiểm soát chiếm đến gần một nửa các khoản vay mới và đa số các khoản nợ của chính quyền địa phương không có triển vọng bền vững.

Nghiên cứu của MGI cho biết trong tổng số nợ nước ngoài của Trung Quốc, tỷ lệ vay của khu vực doanh nghiệp và tổ chức chiếm tỷ trọng khá lớn, trong đó đặc biệt là khu vực doanh nghiệp phi tài chính, trong đó có các công ty phát triển nhà đất.

Thực tế đó đã làm dấy lên mối quan ngại đối với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế chậm lại, thị trường nhà đất thiếu khởi sắc thì nhiều khả năng quốc gia này sẽ phải đối mặt với rủi ro vỡ nợ, không chỉ đối với các tập đoàn, doanh nghiệp mà còn với cả chính quyền địa phương khi 40% nguồn tiền dùng để trang trải nợ nần xuất phát từ kinh doanh đất đai.

Viễn cảnh này, nếu trở thành hiện thực sẽ tác động mạnh đến hệ thống ngân hàng Trung Quốc, đồng thời tác động gián tiếp đến các quốc gia có trao đổi thương mại đầu tư với Trung Quốc trong khu vực.

Những cảnh báo trên càng trở nên rõ ràng hơn khi hiện tại, theo thống kê của Tổ chức cung cấp dữ liệu Dealogic sẽ có khoảng 1,68 nghìn tỷ USD trái phiếu tổ chức của các nước trong khu vực châu Á (ngoại trừ Nhật Bản) đến thời điểm đáo hạn vào năm 2020, trong đó khoảng 24% sẽ đáo hạn vào năm 2017. Trong lượng trái phiếu sắp đến kỳ thanh toán, số lượng trái phiếu của Trung Quốc chiếm tỷ lệ chủ yếu khi quốc gia này chiếm đến trên 70% lượng trái phiếu đến kỳ đáo hạn vào năm 2020 và 2017.

Với gánh nặng nợ nần lớn như vậy, xu hướng USD tiếp tục tăng giá sẽ là một thách thức lớn đối với Trung Quốc. Sự tăng giá nhanh chóng của đồng USD đang đẩy một số tập đoàn lớn của Trung Quốc đứng trước nguy cơ vỡ nợ do thanh

khoản thấp và trần nợ của các tập đoàn này đang ở ngoài ranh giới an toàn, điều này cũng đang đặt nhiều chính quyền địa phương ở tình trạng báo động.

Ngoài ra, có ý kiến đã cho rằng việc đồng USD tăng giá mạnh như xu hướng hiện nay có thể sẽ buộc chính phủ Trung Quốc phải tạo ra một quỹ cứu trợ để hỗ trợ các tập đoàn và doanh nghiệp nước này thanh toán những khoản nợ nước ngoài ngắn hạn, tương tự như cách chính phủ Nga đã làm để hỗ trợ doanh nghiệp nước này khi đồng Rubl mất giá mạnh trong năm 2014.

- Sự biến động của đồng đôla Mỹ trong thời gian qua dường như đang đặt ra cho Trung Quốc nhiều vấn đề bất lợi, trong đó đáng chú ý là sự gia tăng gánh nặng nợ nước ngoài

Vậy đâu là giải pháp cho vấn đề nợ tại Trung Quốc hiện nay. Theo MGI, quốc gia này có thể thực hiện *các giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính tại các chính quyền địa phương, cho phép việc áp đặt một số loại thuế nhà đất tại địa phương nhằm gia tăng nguồn thu ngân sách cho việc chi trả nợ*. Bên cạnh đó, cần tiếp tục thực hiện các biện pháp cải cách nhằm gia tăng tính minh bạch của hệ thống tài chính, cải thiện hệ thống dữ liệu nhà đất, đơn giản hóa thủ tục phá sản và tiếp tục tự do hóa hệ thống tài chính.

Trên thực tế hiện nay, Chính phủ Trung Quốc đã bắt đầu kiểm soát chặt chẽ hơn các khoản vay mượn của chính quyền địa phương. Về công tác điều hành tỷ giá, nhiều động thái cho thấy NHTW Trung Quốc (PBoC) sẽ tiếp tục điều hành chính sách tỷ giá theo hướng ổn định thay vì thực hiện chiến lược đồng tiền yếu như trước đây để hỗ trợ cho định hướng cải cách và tăng trưởng bền vững mà Trung Quốc đang hướng đến. Và điều này phần nào sẽ giúp Trung Quốc giảm bớt rủi ro, tăng gánh nặng nợ do áp lực tăng giá đồng USD mang lại.

Tuy nhiên, nhìn một cách thông thường, khả năng trả nợ của Trung Quốc tương đối tốt. Minh chứng rõ nhất cho khả năng này là dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc rất lớn, ở thời điểm kinh tế nước này sáng sủa nhất, con số này lên tới khoảng 4.000 tỷ USD và hiện nay vẫn hơn 3.000 tỷ USD.

Một trong những biện pháp để Trung Quốc xử lý khối nợ của mình đó là xuất khẩu nợ. Trung Quốc tìm cách đẩy nợ cho các quốc gia khác với những điều kiện, khoản tiền, mức độ vay khác nhau thông qua việc thúc đẩy sáng kiến Vành đai và Con đường, tăng cường thuyết phục các quốc gia vay vốn đầu tư của nước này để xây dựng cơ sở hạ tầng...

"Khi Trung Quốc có vấn đề gì với khối nợ của mình thì việc nước này chủ động cho các quốc gia trên thế giới vay nợ sẽ là một nhân tố để giảm sức cho khối nợ của họ. Nó được coi như khoản dự phòng để trả nợ, đồng thời giúp Trung Quốc có thể giãn nợ, hoãn nợ với các đối tác.

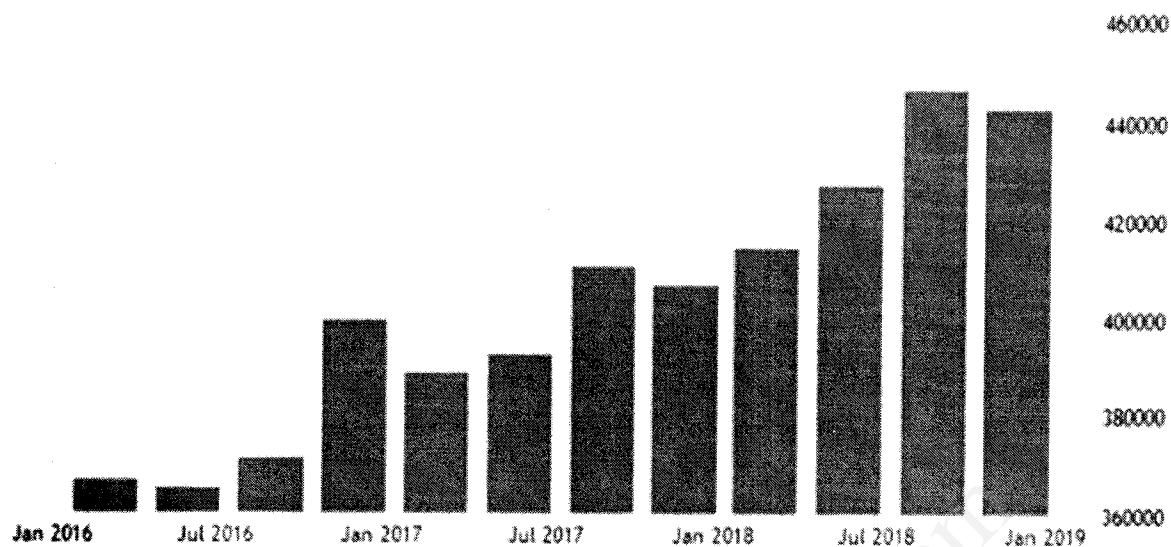
Cách làm của Trung Quốc là có chủ đích và có cơ hội để giảm sức cho nền kinh tế trong tương lai. Nói thẳng ra rằng, Trung Quốc đang tăng trưởng và phát triển sản xuất bằng cách cho vay nợ ra thị trường quốc tế.

- Trung Quốc đã có những chính sách vay nợ theo hướng vừa phát triển đất nước vừa không quá phụ thuộc vào nước ngoài:
- Trung Quốc không chủ trương tăng nợ nước ngoài, khai thác tối đa nguồn vốn không gây nợ nước ngoài như phát hành trái phiếu cổ phiếu trong nước thu hút dòng vốn FDI đồng thời kiểm soát việc vay nợ nước ngoài.
- Quy mô các khoản vay phải hợp lý và khoa học, phải căn cứ vào nhu cầu xây dựng kinh tế và khả năng trả nợ của các đơn vị này
- Nguyên tắc vay nợ của Trung Quốc trong giai đoạn này là chú trọng các khoản vay trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi của các nước và các tổ chức tiền tệ quốc tế, tận dụng các khoản vay hỗn hợp mang tính ưu đãi, các khoản vay xuất khẩu và các khoản vay thương mại, lựa chọn các điều kiện vay hợp lý nhất
- Các hạng mục về giao dịch vốn được kiểm soát chặt. Việc vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp được quản lý nghiêm ngặt
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý kết nối giữa ngân hàng nhân dân, tổng cục quản lý ngoại hối, tổng cục hải quan các ngân hàng thương mại để quản lý ngoại hối

Case study2: Kinh nghiệm quản lý nợ nước ngoài của Nhật Bản

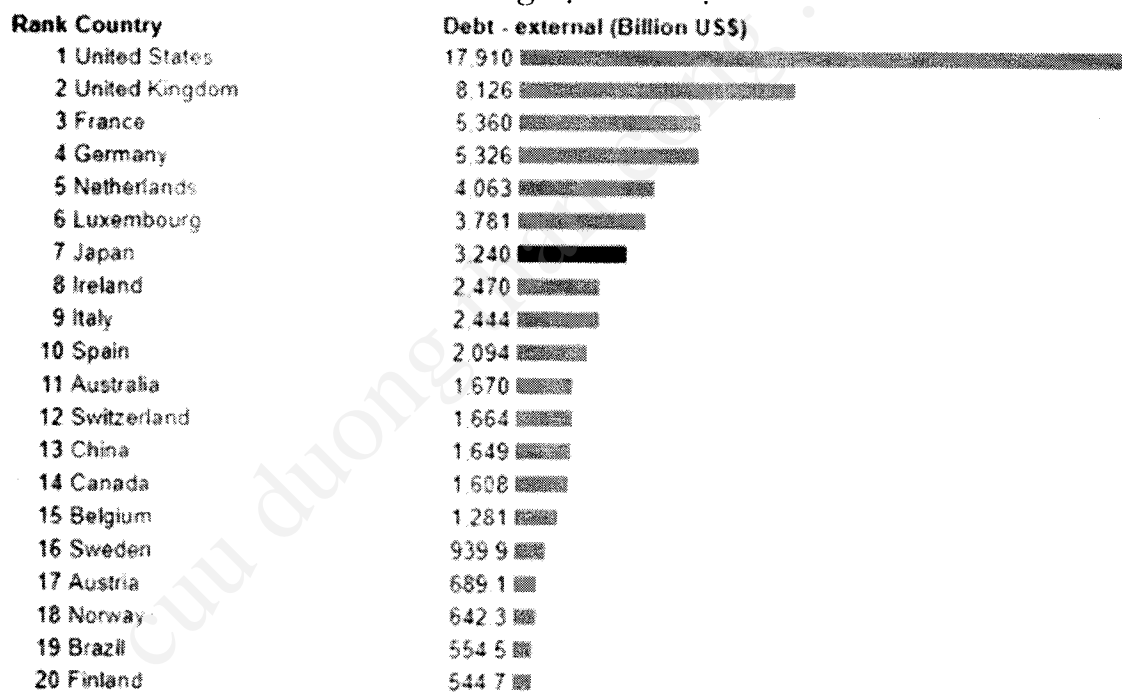
Nhật Bản là một trong những quốc gia phát triển và có ảnh hưởng nhất trên thế giới. Tuy nhiên, đây cũng là quốc gia mắc nợ nhất thế giới, mang một khoản nợ đáng kể khoảng 233% GDP trên vai.

Nợ nước ngoài tại Nhật Bản đã giảm xuống còn 442747 tỷ JPY trong quý IV năm 2018 từ 446531 tỷ JPY trong quý 3 năm 2018. Nợ nước ngoài ở Nhật Bản trung bình 253873,92 JPY từ năm 2003 đến 2018, đạt mức cao nhất mọi thời đại là 44531 tỷ JPY quý 3 năm 2018 và mức thấp kỷ lục 141743 tỷ JPY trong quý 3/2003.

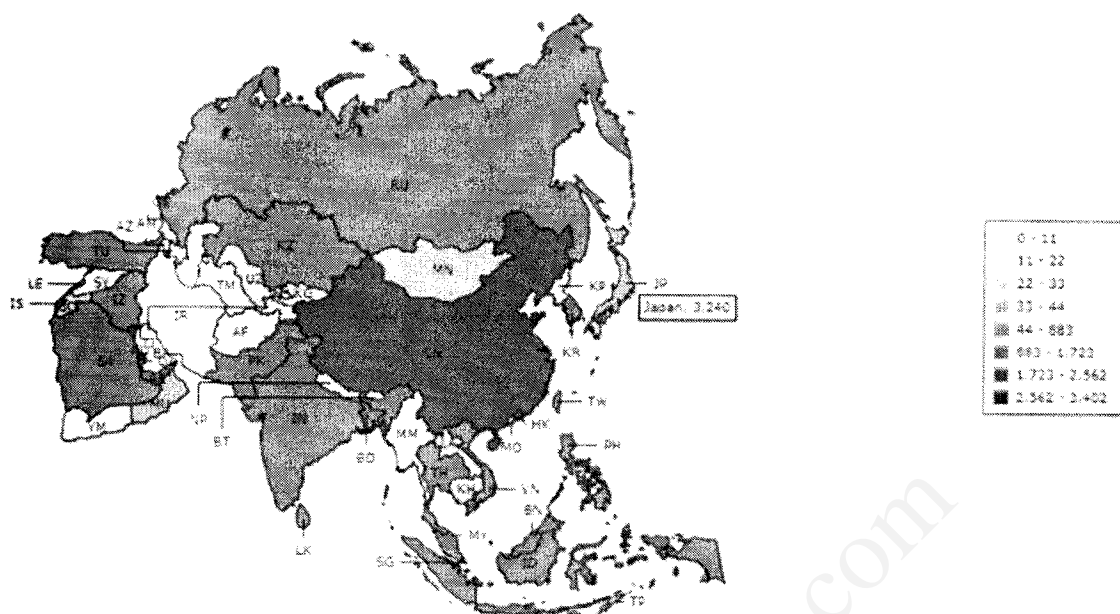


SOURCE: TRADING ECONOMICS.COM & OFFICE OF THE GOVERNMENT OF JAPAN

Hình 1: Tổng nợ của Nhật Bản



Hình 2 : Biểu đồ xếp hạng nợ nước ngoài các nước



Hình 3: Bản đồ so sánh nợ nước ngoài các nước khu vực châu Á

Nợ của chính phủ Nhật Bản hiện ở mức hơn 230% GDP và khoảng 140% ngay cả sau khi trừ đi các khoản giữ của nhiều đơn vị liên quan đến chính phủ, như quỹ an sinh xã hội. Núi nợ này là kết quả tất yếu của thâm hụt tài khóa lớn mà Nhật Bản đã điều hành từ năm 1990. Bong bóng tài sản dự kiến được tạo ra sau chiến tranh thế giới thứ 2 cuối cùng đã vỡ vào năm 1989, sau khi tăng lãi suất cho vay liên ngân hàng từ Ngân hàng Nhật Bản. Một khi thị trường chứng khoán sụp đổ và giá cổ phiếu giảm, các ngân hàng và công ty bảo hiểm còn lại rất nhiều nợ xấu. Chính phủ Nhật bản và ngân hàng trung ương đã hỗ trợ các tổ chức này bằng cách lãnh đạo cho họ và cung cấp tín dụng lãi suất thấp. Vì vậy, các công ty phải dựa vào hỗ trợ. Nhưng điều này cuối cùng đã trở nên không bền vững, vì vậy các tổ chức ngân hàng phải được củng cố và quốc hữu hóa. Trong nhiều năm, các sáng kiến kích thích tài khóa khác cũng được sử dụng để giúp khởi động lại nền kinh tế đang vấp ngã. Vì những hành động được chính phủ phê duyệt, mức nợ của Nhật Bản tăng vọt để trở thành mức cao nhất trên thế giới.

Tuy nhiên, hầu hết các khoản nợ của Nhật Bản (bao gồm cả nợ trái phiếu chính phủ) được nắm giữ bởi chính công dân của họ, vì vậy rủi ro vỡ nợ thấp hơn nhiều.

Nhật Bản vẫn khá giả vì có thể điều chỉnh lãi suất ở mức thấp để giá trị trả nợ ở mức thấp so với mức nợ chung.

Mức nợ cao thứ hai của Nhật Bản do Mỹ nắm giữ. Mặt trái của việc này là đòi lại đòn bẩy tài chính và có một số quyền tự chủ đối với Nhật Bản (chủ nợ lớn

nhất của Mỹ), đồng thời tối ưu hóa tỷ giá hối đoái giữa Yên và Đô la. Một lý do quan trọng khác để giữ nợ Nhật Bản là làm suy yếu thành trì của Trung Quốc đang phủ bóng lên khoản nợ bằng đồng Yên.

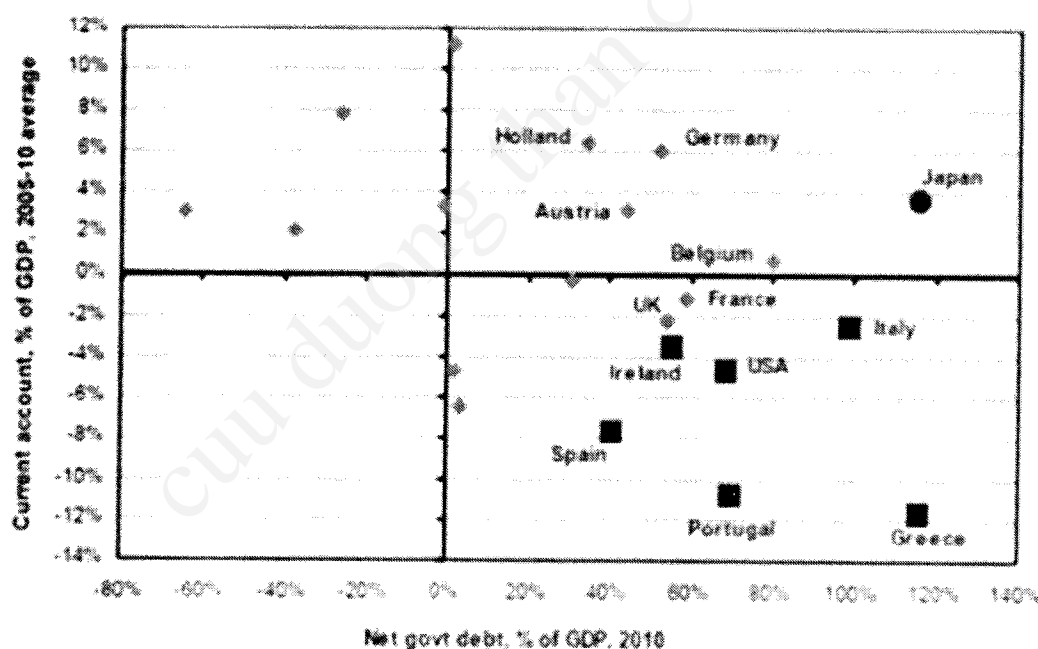
Để đảm bảo rằng các khoản thanh toán lãi suất và nghĩa vụ chi tiêu của Nhật Bản sẽ không được mặc định, chính phủ phải đảm bảo người nước ngoài mua nợ.

Ngày nay, người mua nên được hỗ trợ đầu giá nợ. Nhưng trong tương lai, việc giảm lãi suất liên tục và làm hài lòng các nhà đầu tư nước ngoài có thể tăng chi phí phục vụ nợ đến mức không thể truy cập được.

Do đó, lựa chọn duy nhất để có được nhiều nhà đầu tư nước ngoài là có các lựa chọn nợ có năng suất cao hơn. Từ biểu đồ dưới đây, bạn có thể thấy rằng châu Á đang mua thêm nợ Nhật Bản. Điều này chủ yếu là do Trung Quốc đang đa dạng hóa, bằng cách tiếp xúc nhiều hơn với Nhật Bản trong khi phụ thuộc ít hơn vào châu Âu và Mỹ

Tại sao Nhật Bản có thể vay?

Why Japan Is Not Greece



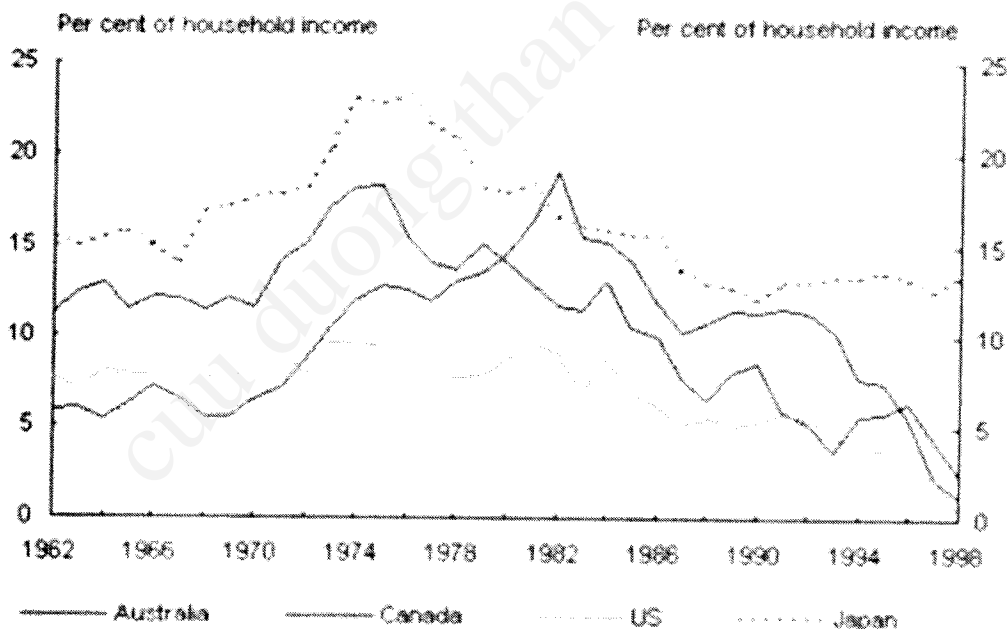
Thặng dư tài khoản hiện tại. Nhật Bản đang điều hành thặng dư tài khoản vĩnh viễn - thu hút dòng vốn vào Nhật Bản; chúng có thể được sử dụng bởi khu vực tư nhân để mua trái phiếu chính phủ. Nhật Bản không dựa vào tài chính bên ngoài

của nợ khu vực công. Một tỷ lệ cao nợ của khu vực công Nhật Bản được tổ chức trong nước. 70% được nắm giữ bởi Ngân hàng Nhật Bản, phần lớn phần còn lại được nắm giữ bởi các quỹ đầu tư và ủy thác của Nhật Bản. Mặc dù có một dòng tiền tạm thời sau cuộc khủng hoảng nợ Euro, nắm giữ của khu vực nước ngoài đối với chứng khoán chính phủ trung và dài hạn của Nhật Bản vẫn ở mức dưới 7%.

Ngược lại, các nước ngoại vi châu Âu như Tây Ban Nha, Hy Lạp và Ý cũng đang bị thâm hụt tài khoản vãng lai và có sự phụ thuộc lớn hơn vào tài trợ bên ngoài của nợ trong nước.

- Bẫy thanh khoản: Mặc dù lãi suất thấp, nền kinh tế vẫn chậm chạp. Điều này đã giúp giữ lợi suất trái phiếu chính phủ ở mức thấp vì mọi người thích mua trái phiếu hơn để tiêu thụ
- Sẵn sàng của các cá nhân Nhật Bản để mua trái phiếu ở mức thấp

Khu vực tư nhân Nhật Bản (cả hộ gia đình và doanh nghiệp) rất thích mua trái phiếu chính phủ. Điều này là do tiết kiệm trong nước tương đối cao. Người dân và các công ty có tiền mặt dự phòng để mua trái phiếu và cho vay tiền của chính phủ. Ở một đất nước có tỷ lệ tiết kiệm rất thấp, sẽ có ít người sẵn sàng / có thể mua nợ chính phủ. Một mối quan tâm mà Nhật Bản có là tỷ lệ tiết kiệm trong nước dự kiến sẽ tiếp tục giảm do thay đổi nhân khẩu học.



Tỷ lệ tiết kiệm Nhật Bản

Hình 4: Bản đồ hiển thị tỷ lệ tiết kiệm của Nhật Bản

- Sức mạnh của Yên Nhật. Nhật Bản có trữ lượng lớn tài sản giám sát. Một nghịch lý dường như của cuộc khủng hoảng là sự đánh giá cao ở Yên, khi các nhà đầu tư chuyển tiền trở lại Nhật Bản. Nợ quốc gia Nhật Bản không yêu cầu các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua trái phiếu (một vấn đề lớn hơn trong thị trường nợ châu Âu)

Mối đe dọa của một nền kinh tế suy thoái có thể khiến Ngân hàng Nhật Bản kiểm tiền từ một phần nợ. Thường kiểm tiền từ nợ (mua trái phiếu bằng cách tăng cung tiền) sẽ dẫn đến lo ngại về lạm phát. Nhưng, Nhật Bản đã liên tục trải qua giảm phát hoặc lạm phát dưới mục tiêu.

Trong tình huống này, Ngân hàng có thể mua nợ, ít nhất là trong ngắn hạn / trung hạn. Báo cáo gần đây nhất cho thấy giá tiêu dùng đã giảm 0,3% trong năm tính đến tháng 2 năm 2011.

Tuy nhiên, mặc dù có nhiều yếu tố giúp vay lớn, nhưng không chắc chắn vào thời điểm nào, thị trường sẽ ngày càng trở nên lo ngại ở mức độ vay. Các khoản thanh toán lãi vay kết hợp với tăng trưởng thấp và dân số già có thể khiến cho việc kiểm soát mức vay trở nên rất khó khăn.

• Phương pháp xử lý nợ của Nhật Bản

Có thể đánh giá tính hiệu quả của một số biện pháp mà Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành để giải quyết vấn đề nợ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng thuế: Từ năm 2012, Chính phủ Nhật Bản đã bắt đầu lộ trình tăng một số loại thuế cơ bản như thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp... Nhật Bản dự kiến thuế tiêu dùng tăng từ 5% lên 10% trong giai đoạn 2012-2016. Tuy nhiên, việc tăng thuế doanh thu sẽ dẫn đến một loạt hệ lụy kèm theo khi Chính phủ Nhật Bản đã nhiều lần hứa rằng sẽ không tăng thuế cho đến năm 2013. Bên cạnh tăng thuế, việc cắt giảm thêm 10% chi tiêu chính sách trong tài khóa năm 2012 giúp Chính phủ Nhật Bản có thêm 1.200 tỷ Yên nhằm bảo đảm tài chính để trang trải các chi phí phúc lợi. Điều này sẽ tạo ra những điều chỉnh cần thiết để giúp giảm bớt nợ công.

Gần đây nhất, việc tăng thuế từ 5% lên 8% vào quý II năm 2014 đã tác động mạnh đến tăng trưởng và vẫn ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. (Số liệu mới nhất cho thấy tăng trưởng tiêu dùng cá nhân quý II, vốn đóng góp 60% GDP, yếu hơn dự kiến. Kinh tế ảm đạm gần đây đã khiến viễn cảnh tăng thuế trở nên mờ mịt.)

Vì vậy, một số nhà kinh tế cho rằng mức thuế tiêu dùng nên tăng thành 15% theo lộ trình tăng đều 1% hàng năm trong vòng 10 năm. Biện pháp này nhằm giảm nhẹ ảnh hưởng đối với người tiêu dùng đồng thời có thể hạn chế giảm phát bằng cách tạo ra lạm phát kỳ vọng. Về nguyên tắc, người tiêu dùng sẽ cắt giảm chi tiêu nếu như thuế đột nhiên tăng đến 10% nhưng khi thuế tăng từ từ và được dự báo sẽ tiếp tục tăng thì người dân vẫn chi tiêu như bình thường.

Thứ hai, giảm bớt gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội: Với tỷ lệ người già cao như hiện nay Chính phủ Nhật Bản đang cân nhắc nâng độ tuổi nghỉ hưu để giảm bớt gánh nặng an sinh xã hội. Các nhà làm luật Nhật Bản dự tính sẽ nâng tuổi nghỉ hưu của người lao động nước này lên 61 tuổi vào năm 2013 và 65 tuổi vào năm 2025. Tuy nhiên, ngoài việc nâng độ tuổi nhận tiền trợ cấp, Chính phủ Nhật Bản vẫn cần xem xét cắt giảm các mức trợ cấp trong tương lai, tăng mức đóng tiền phí bảo hiểm y tế nhà nước... cũng như tiến hành cải cách toàn diện hệ thống an sinh xã hội để giảm bớt mức chi, cải thiện tình trạng nợ công. Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản sẽ phải khuyến khích thực hiện các chương trình tái tuyển dụng nhân viên nghỉ hưu để có thể khắc phục vấn đề thiếu hụt nhân lực ở tuổi lao động.

Thứ ba, ổn định tài chính, giảm bớt thâm hụt ngân sách: Mục tiêu bình ổn tài chính được Chính phủ Nhật Bản đưa ra nhằm ổn định tỷ trọng tăng trưởng nợ. Chiến lược “ổn định tài chính” sẽ được trợ giúp với cơ chế chia sẻ thâm hụt ngân sách giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương từ năm 2013. Kế hoạch đặt ra là cắt giảm một nửa thâm hụt ngân sách vào năm 2015 và đạt được mức thặng dư ngân sách từ năm 2019. Về dài hạn, cán cân ngân sách của cả chính quyền trung ương và địa phương của Nhật Bản Sẽ trở lại trạng thái thặng dư tài khóa năm 2020.

Tuy nhiên, mục tiêu này có thể sẽ khó đạt được trong bối cảnh các chính sách phục hồi kinh tế của Thủ tướng Shinzo Abe. Theo đó, Thủ tướng Nhật muốn tăng chi tiêu Chính phủ vào công trình, cơ sở hạ tầng để thúc đẩy tăng trưởng và đề xuất BOJ trực tiếp mua trái phiếu chính phủ để giúp tài trợ cho chi tiêu gia tăng. Tuy nhiên, nếu điều đó xảy ra thì có nghĩa là trong tương lai Chính phủ có thể chi tiêu nhiều như họ muốn và sẽ dẫn tới sự gia tăng mạnh chi phí vay của Chính phủ. Để bù đắp việc chi phí đi vay tăng sẽ dẫn tới việc Chính phủ Nhật Bản phải phát hành trái phiếu nhiều hơn và như vậy sẽ lại tiếp tục tăng thêm gánh nặng nợ công.

Case study 3: Quy trình quản lý sử dụng nguồn vốn ODA

Đó là quá trình gặp gỡ giữa nhu cầu cần tài trợ và khả năng tài trợ, cũng như quá trình hài hòa thủ tục giữa nhà tài trợ và người nhận tài trợ để ODA đi vào thực tiễn. Quy trình gồm các bước sau:

1. Xây dựng danh mục chương trình, các dự án ưu tiên vận động ODA: Chính phủ các nước đang và chậm phát triển trong từng thời kỳ tổng hợp nhu cầu để lập Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên vận động ODA, kèm theo đề cương nêu rõ sự cần thiết, tính phù hợp, quy hoạch dự án, các mục tiêu, kết quả dự kiến, các hoạt động chủ yếu, thời gian thực hiện, dự kiến mức vốn ODA và vốn đối ứng, dự kiến

cơ chế tài chính, dự báo tác động tới kinh tế - xã hội cho từng chương trình, dự án cụ thể.

2. Vận động ODA (Khả năng tài trợ): Là việc liên hệ, vận động các nhà tài trợ ODA

3. Đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế khung về ODA: Các Chính phủ nhận tài trợ sẽ cử các cơ quan chức năng, có trách nhiệm đến đàm phán và ký kết Điều ước quốc tế về ODA có tính nguyên tắc với nhà tài trợ.

4. Thông báo điều ước quốc tế khung về ODA: Chính phủ các nước sẽ thông báo cho các cơ quan chủ quản, các địa phương có chương trình, các dự án về Điều ước quốc tế khung về ODA của từng nhà tài trợ để các cơ quan, địa phương này chuẩn bị các văn kiện cần thiết.

5. Chuẩn bị chương trình, dự án ODA: Các cơ quan chủ quản, các địa phương đã được đồng ý tài trợ ODA sẽ phải thành lập các Ban chuẩn bị chương trình, dự án.

6. Thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án ODA: Các văn kiện, chương trình dự án ODA sẽ được các cơ quan có thẩm quyền của nước nhận tài trợ thẩm định, phê duyệt để có căn cứ ký kết điều ước quốc tế cụ thể với nhà tài trợ.

7. Đàm phán, ký kết và phê chuẩn hoặc phê duyệt Điều ước quốc tế cụ thể về ODA: Các cơ quan của Chính phủ nước nhận tài trợ sẽ thông kết quả phê duyệt các chương trình, dự án cho từng nhà tài trợ. Sau khi được nhà tài trợ chấp nhận, cơ quan có thẩm quyền của nước nhận tài trợ sẽ phối hợp chuẩn bị các nội dung đàm phán Điều ước quốc tế cụ thể về ODA. Sau đó, các cơ quan được Chính phủ ủy quyền sẽ đàm phán các Điều ước quốc tế cụ thể về ODA. Khi kết thúc đàm phán Chính phủ sẽ trực tiếp ký kết, hoặc quyết định người được ủy quyền ký kết. Sau đó các Điều ước quốc tế cụ thể sẽ được chuyển cho cơ quan quản lý của Chính phủ về ODA để theo dõi, thực hiện.

8. Thực hiện dự án ODA: Đây là bước có ý nghĩa quan trọng đảm bảo việc thực hiện các Điều ước quốc tế và hiệu quả các chương trình, dự án sử dụng ODA. Các chủ dự án phải thành lập các ban quản lý chương trình dự án ODA có quy chế tổ chức hoạt động và tư cách pháp nhân để thực hiện các dự án phù hợp với quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế cụ thể về ODA.

Các vấn đề cần chú ý trong quản lý sử dụng các dự án là:

Vốn đối ứng trong nước: Để phát huy tính chủ động và nâng cao trách nhiệm của người nhận tài trợ phải có một số vốn trong nước để chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án được ghi trong Điều ước quốc tế cụ thể về ODA. Chính phủ, các cơ quan chủ quản và chủ dự án phải chủ động bố trí vốn đối ứng (tiền vốn, hiện vật, lao động,...) để thực hiện dự án.

- Giải phóng mặt bằng: Cần được thực hiện đúng kế hoạch, phù hợp với quy định của nước sở tại và Điều ước quốc tế cụ thể về ODA, đảm bảo thời hạn thực hiện dự án và kế hoạch giải ngân của nhà tài trợ, đảm bảo hiệu quả dự án.

- Thực hiện đấu thầu: Các vấn đề về thi công, mua sắm thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án,... cần được thực hiện đấu thầu quốc tế rộng rãi để vừa đảm bảo thời hạn, chất lượng, hiệu quả của đầu tư và tính cạnh tranh công bằng.
- Thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình, dự án ODA trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp thực tế và tính hiệu quả của dự án. Các điều chỉnh phải trong phạm vi cho phép, được các cơ quan có thẩm quyền và nhà tài trợ chấp thuận.
- Quản lý, xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, quyết toán khối lượng công trình hoàn thành: Công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, cấp giấy phép xây dựng, quản lý chất lượng các công trình, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm cho công trình xây dựng thuộc của các dự án có sử dụng vốn ODA, quyết toán vốn ODA cũng phải được tiến hành theo quy định trong các Điều ước quốc tế cụ thể về ODA.
- Giải ngân vốn ODA: Chính là quá trình thực hiện các quy định, các thủ tục cần thiết để có thể nhận được vốn ODA từ nhà tài trợ chuyển cho Ban quản lý dự án. Tùy thuộc quy định trong Điều ước quốc tế, việc rút vốn và thanh toán bằng nguồn vốn ODA được thông qua nhiều hình thức khác nhau.
- Theo dõi đánh giá, nghiệm thu, quyết toán, bàn giao kết quả dự án ODA: Là khâu công việc quan trọng được tiến hành thường xuyên và định kỳ nhằm phân tích, so sánh kết quả đạt được trên thực tế với mục tiêu đã đề ra trong các văn kiện dự án, kiểm tra, thanh tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng ODA không hoàn lại, tổ chức nghiệm thu, thực hiện quyết toán, bàn giao kết quả và đưa chương trình, dự án vào vận hành trong thực tế đời sống.

BẢN ĐẶC TẢ HỌC PHẦN

1. Mã học phần: INE3015
2. Tên học phần: Quản lý nợ nước ngoài
3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
4. Số tín chỉ: 03

5. Giảng viên:

- 1) PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi
- 2) GS. TS. Nguyễn Quang Thuần
- 3) TS. Phạm Thu Phương

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Kiến thức

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài, quản lý nợ nước ngoài của một quốc gia; kinh nghiệm quản lý, vay nợ của một số nước cũng như thực trạng nợ, quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam.

6.2. Kỹ năng

6.2.1. *Kỹ năng chuyên môn*

- Trang bị cho người học các kỹ năng phân tích về quản lý nợ trong nền kinh tế toàn cầu theo cơ chế thị trường. Thông qua kinh nghiệm quản lý nợ quốc tế giúp sinh viên phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay nhằm hướng tới một hệ thống quản lý nợ nước ngoài có hiệu quả.

6.2.2 *Kỹ năng bổ trợ*

- Có kỹ năng tổ chức thành công các buổi thuyết trình trên lớp với các chủ đề liên quan đến nợ nước ngoài, quản lý nợ nước ngoài và kinh nghiệm quản lý, vay nợ của một số nước cũng như thực trạng nợ, quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam.

-Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm cũng như kỹ năng lãnh đạo nhóm.

-Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, lập luận trước những vấn đề liên quan đến nợ nước ngoài của một quốc gia.

-Có kỹ năng tự nghiên cứu, hình thành phương pháp nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn một cách khoa học, say mê tìm tòi, khám phá những ý tưởng mới trong quá trình học và làm việc sau này.

6.2.3. *Phẩm chất đạo đức*

- Có ý thức học tập tự giác thường xuyên, chuyên cần, có tinh thần trách nhiệm cao trước tập thể, có thái độ khoa học trước những vấn đề của đời sống thực tiễn.

- Có ý thức trách nhiệm trong các hoạt động nhóm.

7. Giới thiệu chung về học phần

Quản lý nợ nước ngoài là môn học bắt buộc, mang tính ứng dụng cao, bao gồm những kiến thức chuyên sâu và tổng hợp, vừa có tính lý luận vừa mang tính nghiệp vụ, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về nợ nước ngoài, quản lý nợ nước ngoài. Học phần bao gồm 5 nội dung:

- Khái quát chung về nợ nước ngoài
- Những vấn đề chung về quản lý nợ nước ngoài
- Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nợ nước ngoài
- Quản lý nợ nước ngoài ở Việt Nam
- Quản lý nguồn vốn ODA ở Việt Nam

8. Số giờ lên lớp/tuần: 01

9. Phương pháp giảng dạy: Giảng lý thuyết kết hợp với liên hệ thực tiễn, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, đánh giá chuyên cần, đánh giá tuần, đánh giá tháng, đánh giá giữa kỳ và làm bài tập lớn kết thúc môn học (tiểu luận).

10. Phương pháp kiểm tra đánh giá

10.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Số buổi tham gia nghe giảng và thảo luận đầy đủ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của đề cương học phần
- Tích cực tham gia thảo luận/làm việc theo nhóm

10.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ

- Bài kiểm tra cá nhân giữa kỳ: tự luận
- Bài thảo luận nhóm: thuyết trình
- Bài tiểu luận (Bài tập lớn)

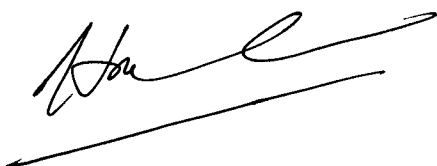
11. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên sách, năm xuất bản):

1. Lê Quốc Lý, Lê Huy Trọng, (2003). “Nợ nước ngoài, những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý ở Việt Nam”, NXB Tài chính.
2. Hạ Thị Thiều Dao (2013), “Nợ nước ngoài và quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam”, NXB Tài chính.
3. Faiez Hassan Seyal, (2017), “Foreign Debt and its impact on Developing Economies”.

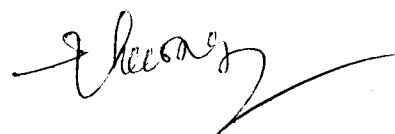
12. Yêu cầu tiên quyết: Kinh tế học quốc tế.

13. Liên hệ: Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

CHỦ NHIỆM KHOA



CHỦ NHIỆM BỘ MÔN



Vũ Thanh Hương